TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Hồng N , sinh năm 2005

Địa chỉ: ấp X, xã Đ, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Trúc H , sinh năm 2002

Địa chỉ: ấp X, xã Đ, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Thái N1 , sinh năm 2000

Địa chỉ: ấp X, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Hồng N trình bày: Chị H là chị dâu của chị, vào ngày 10/9/2023 chị cho chị H vay 14,8 chỉ vàng 18k (gồm 01 sợi dây chuyền và 01 bộ vòng simen). Khi vay vàng, chị H nói để mua đồ làm nhôm sắt kinh doanh trong nhà nhưng khi chị hỏi lại anh trai là anh Trần Thái N1 thì anh N1 xác định anh không biết gì về

việc chị H vay vàng của chị. Khi đó chị mới biết chị H vay vàng của chị để tham gia đánh bạc (đánh số đề), hiện nay chị H và anh N1 đã ly hôn nhau.

Tại Công an xã Đ, chị H thừa nhận còn nợ chị 13 chỉ vàng 18k và hứa mỗi tháng trả 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ, nhưng đến nay chị H vẫn không trả tiền, không trả vàng cho chị như đã hứa. Chị khởi kiện yêu cầu chị H trả 14,8 chỉ vàng 18k, chỉ yêu cầu một mình chị H có trách nhiệm trả, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lời trình bày. Tuy nhiên, theo lời khai tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2024 của Công an xã Đ chị H khai rằng do hoàn cảnh khó khăn, vào ngày 10/9/2023 chị có mượn của chị N 13 chỉ vàng 18k. Khi mượn thì giữa chị và chị N có thỏa thuận trả lãi mỗi tháng là 1.000.000đồng và chị có trả lãi cho chị N được 3.000.000đồng. Số vàng chị mượn tại thời điểm lấy lời khai quy ra tiền là 50.000.000đồng. Do chị sống riêng đi làm thuê và nuôi con nhỏ nên không thể trả cho chị N một lần hết số vàng nợ, chị xin trả dần cho chị N mỗi tháng là 5.000.000đ đến khi trả hết nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thái N1 trình bày: Anh là anh ruột của chị N và là chồng của chị H . Lúc đầu anh không biết việc chị H có vay vàng của chị N , đến khi anh và chị H đi làm thuê thì ba vợ của anh có nói cho anh biết việc này, khi đó chị H mới thừa nhận có mượn vàng của chị N . Anh và chị H đã ly hôn vào ngày 20/6/2025. Anh xác định số nợ trên là nợ riêng của chị H vì chị H mượn vàng của chị N để tiêu sài cá nhân, không phải sử dụng chung cho gia đình nên anh không có liên quan gì đến khoản nợ giữa chị N và chị H , anh đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị N thay đổi một phần yêu cầu, cụ thể là yêu cầu chị H trả cho chị 13 chỉ vàng 18k, chỉ yêu cầu một mình chị H có trách nhiệm trả, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chị H vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Hồng N khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Trúc H trả lại số vàng còn nợ. Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2025 chị N yêu cầu chị H trả 14,8 chỉ vàng 18k; tại phiên tòa sơ thẩm, chị N yêu cầu chị H trả cho chị 13 chỉ vàng 18k. Xét thấy, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị H vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án được xác định thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn chị H vắng mặt lần thứ hai không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên anh Trần Thái N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H , anh N1 .

[4] Chị N khởi kiện cho rằng chị H có vay và còn nợ chị 13 chỉ vàng 18k đến nay chưa trả. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, qua lời khai của bị đơn chị H tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2024 của Công an xã Đ và lời trình bày của nguyên đơn chị N tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận chị H có vay vàng của chị N và hiện nay chị H còn nợ chị N 13 chỉ vàng 18k. Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của chị N là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với ý kiến của chị H tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2024 của Công an xã Đ xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết số nợ trên. Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên chị N tạo điều kiện cho chị H trả dần nhưng chị N không đồng ý, yêu cầu chị H trả đủ một lần. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên

có nghĩa vụ thi hành án. Trường hợp chị H thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[6] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị H có nghĩa vụ trả cho chị N số vàng còn nợ là 13 chỉ vàng 18k.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.785.000 đồng (13 chỉ vàng 18k x 8.900.000đ/chỉ x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hồng N .

Buộc chị Nguyễn Thị Trúc H có nghĩa vụ trả cho chị Trần Hồng N 13 (mười ba) chỉ vàng 18k.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.785.000 đồng (năm triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Chị N không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền đã nộp là 2.962.000đồng theo lai thu số 0015242 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-An Giang).

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh